

Bản án số: 276/2026/HS-ST

Ngày : 03/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Minh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 256/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu Kinh L**, sinh ngày 15/01/1983 tại Lâm Đồng; Căn cước công dân số: 060083007XXX; Nơi đăng ký thường trú: 1 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kiến trúc sư; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu N và bà: Nguyễn Thị K; Có vợ: Nguyễn Lữ Minh L1 và 02 con: lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/11/2025 đến 10/4/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại.

2. **Trịnh Đình V**, sinh ngày 06/9/1978 tại Vĩnh Long; Căn cước công dân số: 084078001XXX; Nơi đăng ký thường trú: I T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Căn hộ chung cư S tháp D, khu nhà ở cao tầng Công ty K2, số B đường số A, ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kiến trúc sư; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Bình M và bà: Ngô Thị B; Có vợ: Phan Ngọc H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2026. Bị cáo tại ngoại.

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Ông Nguyễn Châu L2, sinh năm 1967 (đã chết sau tai nạn).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; Nơi cư trú: **1 B, Phường A, quận T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Việt D, sinh năm 1969; Nơi thường trú: 2 A, Phường I, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua giới thiệu, Nguyễn Hữu K1 L được biết ông Trần Văn H1 và vợ là bà Huỳnh Thị Thanh T có nhu cầu xây dựng nhà số B N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (ông H1 và bà T đã được Ủy ban nhân dân quận T (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép xây dựng số 17.1346/GPXD).

Ngày 20/6/2017, L đến nhà gặp ông H1 trao đổi và thống nhất L làm chủ thầu thi công xây dựng nhà số B N, Phường F, quận T. Tuy nhiên, do chưa thành lập doanh nghiệp nên L không có pháp nhân để ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư. Vì vậy, L đã gặp Trịnh Đình V - Tổng Giám đốc Công ty TNHH T3 (bạn quen biết với L) mượn pháp nhân của công ty T3 để ký hợp đồng thi công với ông H1 thì V đồng ý. V nói với L khi Công ty T3 xuất hóa đơn cho chủ đầu tư thì L phải trả 10% thuế giá trị gia tăng (VAT), ngoài ra không yêu cầu chi trả thêm khoảng tiền nào khác. Sau đó, L soạn Hợp đồng thi công số 2107/HĐKT-TC/2017 ngày 21/06/2017 đối với công trình nhà ở số B N, Phường F, quận T đưa cho Trần Đình V1 ký với tư cách Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (là bên nhận thầu) và ông Trần Văn H1 (là bên giao thầu). Nội dung Hợp đồng này quy định: Bên nhận thầu có trách nhiệm thi công phần thô bao gồm nhân công hoàn thiện công trình (có bảng dự toán thi công riêng) với giá nhân công là 110.000.000 đồng, thời hạn thi công là 120 ngày; bên nhận thầu có nghĩa vụ phải bảo đảm an toàn lao động cho công nhân làm việc tại công trình (quy định tại Điều 12). Sau đó, L tiếp tục soạn Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy công trường số 02/QĐ-BCHCT-DV/2017 ngày 21/06/2017 đưa ông Trần Đình V1 ký bổ nhiệm Trần Xuân M1 (là bạn học đại học của L) làm Chỉ huy trưởng Công trình xây dựng nhà ở tại số B N, Phường F, quận T. L tự lấy bản sao Chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng số GS1-08-15588 ngày 09/07/2014 do Sở Xây dựng Thành phố H cấp cho ông Trần Xuân M1 để nộp cho Thanh tra xây dựng quận T. Trên thực tế, ông Trần Xuân M1 không biết và cũng không làm Chỉ huy trưởng Công trình xây dựng nhà ở tại số B N, Phường F, quận T.

Từ đầu tháng 7/2017, Nguyễn Hữu Kinh L tổ chức toàn bộ việc thi công xây dựng, mua vật tư xây dựng phần thô, thuê thợ xây dựng, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động xây dựng tại công trình. L thuê các công nhân gồm ông Nguyễn Châu L2, ông Lâm Na R, ông Trần Việt D làm thợ xây dựng; thuê ông Phan Văn Út N1 và bà Nguyễn Thị S (là vợ của ông Nguyễn Châu L2) làm phụ hồ. L chỉ thỏa thuận miệng, không ký hợp đồng, giá thuê từ 250.000 đồng đến 480.000 đồng một ngày,

trả tiền vào thứ 7 hàng tuần và L có trách nhiệm trang bị bảo hộ lao động cho người làm thuê. L giao cho ông Lê Thanh T1 vừa làm thợ xây dựng, vừa sắp xếp công việc cho thợ xây dựng, chăm công (thường gọi là cai) nhưng không giao nhiệm vụ trang bị bảo hộ lao động, kiểm tra và giám sát an toàn lao động đối với các công nhân đang thi công tại công trình. Chiều ngày 09/10/2017, L nói với ông T1 là ngày 10/10/2017 L có việc bận không đến công trình, ông T1 cho các ông Lâm Na R, Trần Việt D, Nguyễn Châu L2, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Văn Út N1 thi công tô tường mặt ngoài công trình.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 10/10/2017, ông Lâm Na R, ông Trần Việt D, ông Nguyễn Châu L2 làm giàn giáo tại tầng 2 để thi công tô tường mặt ngoài tầng 3. Bà Nguyễn Thị S trộn hồ bả vào xô đưa cho Phan Văn Út N1 đưa cho ông D, ông L2 và ông R tô tường đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì tô xong tầng 3 và nghỉ trưa.

Đến khoảng 13 giờ ngày 10/10/2017, ông Lâm Na R, ông Trần Việt D, ông Nguyễn Châu L2 tiếp tục làm giàn giáo tại tầng 1 để thi công tô tường tầng 2. Cách thức làm giàn giáo là đục lỗ ở vị trí tường tầng 1 rồi đưa một đầu của 04 bốn cây sắt loại 1.4 ly kích thước 4cmx8cm (thường gọi là cây xà gồ) vào các lỗ này và chèn cố định, đầu còn lại của các cây sắt đưa ra bên ngoài và đặt các tấm tôn lên các cây sắt này làm sàn công tác để đứng lên các tấm tôn thi công tô tường tầng 2. Ông D, ông L2 và ông R đứng trên giàn giáo thi công tô tường tầng 2 có độ cao khoảng 6,1 mét so với mặt đất, không có mang dây đeo an toàn và sàn công tác không có lưới chống rơi bảo vệ. Bà S trộn hồ bả vào xô đưa cho ông N1 đứng tại ô trống đưa lên cho anh D, ông L2 và ông R tô tường. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, giàn giáo bị sập làm ông Nguyễn Châu L2 chết tại chỗ, ông Trần Việt D bị thương và ông Lâm Na R bị xây sát nhẹ. Thấy vậy, ông T1 điện thoại báo cho L biết. L chạy đến công trình nhìn thấy anh L2 đã chết và báo tin đến Công an P, quận T. Ông D được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện T4.

Biên bản điều tra tai nạn lao động chết người số 76/TNLD-2017 ngày 29/12/2017 của Đoàn điều tra tai nạn lao động Thành phố H, kết luận:

“1. Hệ thống giàn giáo phục vụ thi công tô tường không đảm bảo an toàn, không đủ khả năng chịu lực dẫn đến quá trình công nhân làm việc trên giàn giáo, thanh xà gồ tại vị trí công nhân L2 đứng làm việc bị gãy và sụp xuống gây ra tai nạn ngã cao. Vi phạm Điều 4.1.2, Điều 4.3.1 Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 296:2004 “Giàn giáo – các yêu cầu về an toàn”, Vi phạm quy định Điều 2.8.1.1 QCVN 18:2014 /BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng”. Vi phạm qui định tại Điều 34 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ “về quản lý dự án đầu tư xây dựng”, vi phạm qui định tại Điều 4 Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ X “quy định về quản lý an toàn lao động trong xây dựng công trình”.

2. Không khảo sát, kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ ngã từ trên cao (không lắp đặt dây cứu sinh hoặc vị trí cố định chắc chắn để công nhân móc dây đai an toàn hoặc lan can, rào chắn bảo vệ chống ngã cao). Vi phạm qui định tại Điều 34 Nghị định số

59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ “về quản lý dự án đầu tư xây dựng”, vi phạm qui định tại điểm c khoản 1 Điều 138 Bộ luật Lao động, Điều 18, khoản 2 Điều 72 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Vi phạm quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ X “qui định về quản lý an toàn lao động trong xây dựng công trình”.

3. Công nhân không được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc trên cao (không có dây đai an toàn), không được huấn luyện an toàn lao động – vệ sinh lao động theo đúng quy định để có ý thức đề phòng tai nạn cho bản thân. Vi phạm quy định tại Điều 149, Điều 150 Bộ luật Lao động; Điều 14 Luật an toàn, vệ sinh lao động và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, Vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật An toàn lao động, Huấn luyện An toàn, Vệ sinh lao động và Quan trắc môi trường lao động”.

4. Lỗi thuộc về ông Nguyễn Hữu K1 L là T2 tư nhân và ông Trịnh Đình V là Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T3.”

Kết luận giám định pháp y tử thi số 953-17/KLGD-PY ngày 17/11/2017 của Phòng K3 Công an Thành phố H: Nguyễn Châu L2 chết do chấn thương vỡ sọ não; trong máu không tìm thấy cồn và ma túy.

Kết luận giám định số 254/KLTTCT-PVPYQG ngày 27/11/2025 của Phân viện Pháp Y Thành phố H kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Việt D là 25%, thương tích do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu Kinh L và Trịnh Đình V khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như trên, phù hợp với nội dung lời khai của ông Trần Xuân M1 cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Hữu Kinh L đã bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Châu L2 số tiền 140.000.000 đồng, bồi thường cho ông Trần Việt D 10.000.000 đồng và được gia đình ông L2 và ông D bãi nại, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS-KV4 ngày 07 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Kinh L và Trịnh Đình V về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và người liên quan ông Trần Việt D, gia đình bị hại và ông D bãi nại xin miễn truy

cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; cha mẹ của bị cáo L có nhiều đóng góp trong lao động, được tặng kỷ niệm chương, huy chương vì sự nghiệp giáo dục, cha của bị cáo L được tặng bằng khen trong công tác hội thẩm, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo L mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 36 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo V mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Hữu Kinh L là chủ thầu xây dựng, đã thuê các công nhân Nguyễn Châu L2, Trần Việt D thi công tô tường nhưng không trang bị dây đai an toàn, giàn giáo không bảo đảm an toàn và không có lưới chống rơi bảo vệ, không tập huấn an toàn lao động để người lao động nhận biết nguy hiểm, hậu quả làm ông Nguyễn Châu L2 bị ngã xuống đất chết do chấn thương vỡ sọ não, còn ông Trần Việt D bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 25%.

Bị cáo Trịnh Đình V là Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà thầu thi công: Ký hợp đồng thi công với chủ nhà nhưng không tổ chức thi công công trình theo quy định, không kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường.

Vì vậy, bị cáo Nguyễn Hữu Kinh L và bị cáo Trịnh Đình V bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm các quy định của pháp luật về an toàn trong lao động, gây hậu quả chết người và làm ảnh hưởng đến tình hình quản lý trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người sử dụng lao động, nhận thức được các quy định của pháp luật về trách nhiệm của mình trong việc sử dụng lao động nhằm bảo đảm sự an toàn về tính mạng và sức khỏe cho người lao động, song với ý thức chủ quan, cầu thả, không chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật để xảy ra hậu quả nghiêm trọng trong quá trình sử dụng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và người liên quan ông Trần Việt D, gia đình bị hại và ông D bãi nại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; cha mẹ của bị cáo L có nhiều đóng góp trong lao động, được tặng kỷ niệm chương, huy chương vì sự nghiệp giáo dục, cha của bị cáo L được tặng bằng khen trong công tác hội thâm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tương ứng với từng bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo L đã bị tạm giam hơn 05 tháng, thời gian tại ngoại các bị cáo không vi phạm pháp luật gì, bị cáo V hiện có công việc ổn định, đang trực tiếp nuôi con (đã ly hôn vợ); nghĩ không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo L hưởng án treo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo V có khẩu trừ thu nhập cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục làm việc, nuôi dạy con cái.

[4] Đối với Trần Xuân M1 không biết việc Nguyễn Hữu K1 L sử dụng chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng để ra Quyết định bổ nhiệm làm chỉ huy trường công trình và thực tế không có giám sát xây dựng tại công trình xây dựng nhà ở số B N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không nhận tiền hay lợi ích vật chất nào khác từ L. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

Đối với Lê Thanh T1 đã được Nguyễn Hữu K1 Luân hợp đồng miệng thuê hỗ trợ quản lý thợ xây dựng nhưng không giao nhiệm vụ kiểm tra và giám sát an toàn lao động đối với thợ xây dựng. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại là bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Việt D không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu Kinh L;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu K1 L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (03/6/2026).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 295; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 và Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình V;

- Xử phạt bị cáo: Trịnh Đình V 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an Thành phố H nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trịnh Đình V cho Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% (năm phần trăm) thu nhập đối với bị cáo Trịnh Đình V trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người ĐDHP;
- Người có QL, NV liên quan;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hiếu Hạnh